**MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 8 CẤP HUYỆN**

**MÔN: NGỮ VĂN**

 **THỜI GIAN LÀM BÀI: 150 PHÚT**

**I. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản văn học | 1 | 2 | 1 |  | **20%** |
| Văn bản nghị luận |
| Văn bản thông tin |
| **2** | **Viết** | Nghị luận xã hội | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* | **30%** |
| Nghị luận văn học | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* | **50%** |
| **Tỉ lệ %** | **10** | **15** | **25** | **50** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | **25%** | **75%** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung****kiến thức/****Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/Kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,****Kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ****nhận thức** | **Tổng** |
| **Nhậnbiết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| 1 | **ĐỌC HIỂU** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**-Nhận biết được phương thức biểu đạt chính.**Thông hiểu:**- Nêu được nội dung bao quát của văn bản.- Hiểu được khái niệm, đặc trưng của văn nghị luận. Bước đầu có khái niệm về đối tượng, mục đích, đặc sắc về nghệ thuật lập luận, các thao tác lập luận, tư tưởng, tình cảm người viết trong văn bản nghị luận.- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.- Lí giải được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. + Hiểu được những nét đặc sắc về nghệ thuật lập luận: từ ngữ/diễn đạt/hình ảnh/câu văn…**Vận dụng:**- Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.- Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.- Nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong văn bản nghị luận. | 1 | 2 | 1 |  | 4TL |
| 2 | **VIẾT**  | **1. Nghị luận xã hội:** Viết một đoạn văn nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong phần Đọc hiểu. | **Nhận biết:****-** Xác định đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn nghị luận.- Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.- Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.**Thông hiểu:**- Hiểu và triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.**Vận dụng**:- Biết huy động vốn trải nghiệm, kiến thức xã hội của bản thân để tạo lập được một văn bản nghị luận xã hội hoàn chỉnh theo yêu cầu.- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.**Vận dụng cao**:- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,…để tăng sức thuyết phục cho bài viết.- Cách trình bày mạch lạc, luận điểm rõ ràng, văn phong trong sáng, cách viết sáng tạo thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. |  |  | 1\* |  | 1TL |
|  |  |
| **2. Nghị luận văn học**: Nghị luận về một vấn đề mang tính chất lí luận văn học cơ bản (đặc trưng văn học; đặc trưng thể loại (thơ, truyện ngắn); mối quan hệ giữa văn học và hiện thực; nội dung và hình thức của tác phẩm văn học; giá trị, chức năng văn học; nhà văn và quá trình sáng tạo). | **Nhận biết:**- Xác định kiểu bài nghị luận văn học, vấn đề cần nghị luận.**Thông hiểu:**- Diễn giải ý kiến, nhận định về một vấn đề lý luận văn học. - Lí giải các cơ sở lý luận làm căn cứ cho nhận định- Hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học được lựa chọn để chứng minh nhận định**Vận dụng:**- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để chứng minh tính đúng đắn của nhận định.- **Vận dụng cao:** vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, mở rộng, bổ sung, làm nổi bật vấn đề nghị luận.- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  | 1\* | 1 TL |
| **Tổng** |  | 1 | 2 | 2 | 1 | **6** |
| **Tỉ lệ %**  |  | 10 | 15 | 25 | 50 | **100** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **25%** | **75%** | **100%** |